

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DSST

Ngày: 20-5-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Kim Na Rinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hùng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 08/12/2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-DS ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 6L đường N, phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Thạch Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà C, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Duy K trình bày, yêu cầu như sau:*

Vào ngày 27/01/2015 anh có cho bà Thạch Thị T ngụ ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5%/

tháng, thời hạn vay là 01 năm, bà T có thể chấp cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1384, diện tích 1.510m<sup>2</sup>, tọa lạc xã K, huyện C do bà T đứng tên, sau khi vay bà T có đóng lãi 02 tháng được 2.000.000 đồng thì không đóng lãi hay trả vốn, anh có đi đòi nhiều lần nhưng bà T trốn tránh, không trả tiền cho anh.

Về giấy mượn tiền thì do anh viết bà T ký tên và lặn tay, có sự chứng kiến của ông Phạm T, (ông T đi chung với bà T), nhưng hiện nay anh không biết ông Phạm T đang ở đâu, về tên của anh trong biên nhận là Nguyễn Minh K, hiện tại anh đã thay đổi hộ tịch đúng tên trong giấy là Nguyễn Duy K.

Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị T phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi theo đơn khởi kiện 5%/ tháng với 70 tháng là 70.000.000 đồng. Nay anh K thay đổi yêu cầu, cụ thể anh Khang yêu cầu bà T phải trả lãi từ khi vay là ngày 27/01/2015 cho đến ngày Tòa án giải quyết theo lãi suất Nhà nước quy định, về số tiền lãi bà Thành đã trả 2.000.000 đồng thì anh sẽ trừ lại cho bà T, anh K sẽ trả lại bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1384 diện tích 1.510m<sup>2</sup>, tọa lạc xã K, huyện C do bà T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/01/1996.

Đối với bị đơn bà Thạch Thị T, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Bà T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy K buộc bà Thạch Thị T phải trả nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Sau khi bà T trả đủ tiền thì anh Nguyễn Duy K trả bà Thạch Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1384, diện tích 1.510m<sup>2</sup>, tọa lạc xã K, huyện C do bà T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/01/1996.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Thạch Thị T phải chịu 5% án phí theo quy định. Ông Nguyễn Duy K không phải chịu án phí.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Duy K yêu cầu bà Thạch Thị T phải trả số tiền vay còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Thạch Thị T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng bà Thành vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

**[2] Về nội dung:**

- Tại phiên tòa anh K yêu cầu bà Thạch Thị T phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Nhà nước và tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử, phần tiền lãi bà T đã trả 2.000.000 đồng anh K sẽ khấu trừ lại cho bà T và sau khi bà T trả đủ tiền thì anh K sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

- Về phía bị đơn bà Thạch Thị T, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên bà Thạch Thị T không có mặt tại nơi cư trú, qua xác minh thì được biết bà T thường xuyên vắng mặt nơi cư trú; địa chỉ mới bà T thường xuyên cư trú thì không ổn định, bà T không thông báo cho anh K và Tòa án biết, vì vậy được xem là bà T cố tình trốn tránh nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, tại nơi cư trú cũng như tại Tòa án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị T vắng mặt, không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như không có yêu cầu phản tố gì gửi đến Tòa án. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ nên xét yêu cầu của anh Nguyễn Duy K yêu cầu bà T phải trả số tiền vay còn nợ 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì chứng cứ là giấy mượn tiền ghi ngày 27/01/2015 có thể hiện rõ: *“Tôi tên Thạch Thị T sinh năm 1969 ấp C, xã K, huyện C vào ngày 27/1/2015 tôi có mượn của ông Nguyễn Minh K sinh năm 1974, CMND 022725635 hiện thường trú tại số 6L, N, p14, Q8, TPHCM số tiền là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) lãi mỗi tháng là 5% tháng theo sự thỏa thuận giữa hai bên. Tiền lãi được thu vào đầu kì, đây là giấy thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện không bị ép buộc. Nếu có gì sai trái*

*tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 27/1/2015 người cam kết Thạch Thị T.*

- Xét về thời gian tính lãi và mức lãi suất: Anh K yêu cầu tính lãi từ ngày vay là 27/01/2015 theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là phù hợp nên được chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận, Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. Vì vậy phần lãi suất anh K yêu cầu sẽ được xác định bằng  $20\%/năm = 1,66\%/tháng$ .

Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

27/01/2015 đến 20/5/2022 (ngày xét xử) là 07 năm 03 tháng 23 ngày

20.000.000 đồng x 20%/năm x 7 năm = 28.000.000 đồng

20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 3 tháng = 996.000 đồng

20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 23 ngày/ 30 ngày = 254.533 đồng

Tổng cộng là 29.250.533 đồng.

Về số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền lãi chưa trả là 29.250.533 đồng thì số tiền lãi bà T phải trả cho anh K là 27.250.533 đồng.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu của anh Nguyễn Duy K được chấp nhận nên anh K không phải chịu án phí. Bà Thạch Thị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4]** Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35; 39; 227; 228; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

Buộc bà Thạch Thị T phải trả anh Nguyễn Duy K số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 27.250.533 đồng. Tổng

cộng 47.250.533 (Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bà Thạch Thị Th trả đủ tiền thì anh Nguyễn Duy K trả bà Thạch Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1384, diện tích 1.510m<sup>2</sup>, tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/01/1996.

Về án phí:

- Anh Nguyễn Duy K không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0004320 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

- Bà Thạch Thị T phải chịu 2.362.526 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Tranh**